TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 619/2024/HS-ST.
Ngày: 10/12/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đời.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Gái;

Ông Võ Văn Lợi.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương X – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự thụ lý số: 585/2024/TLST-HS ngày 07/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 663/2024/QĐXXST-HS ngày 21/11/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thanh Đ**, sinh năm 1990 tại Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Tự do; Cha tên Lê Văn O (chết); Mẹ tên Võ Thị M (sinh năm 1953); Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 24/9/2019, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù 06/01/2020, đã đóng án phí ngày 10/02/2020. Ngày 22/ 01/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2020, đã đóng án phí ngày 06/4/2021.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Hoài N**, sinh năm 1997 tại Nghệ An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Không nơi ở nhất định. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; Cha tên Lê Viết T (sinh năm 1973); Mẹ tên Cao Thị H (sinh năm 1975); Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/5/2024 tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người bị hại*: Ông **Phạm Văn T1**, bà **Nguyễn Trương Mỹ N1**. Cùng địa chỉ: 7 Đường số D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh Đ do không có tiền tiêu xài nên một mình đi bộ đến các dãy phòng trọ tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 04/5/2024, Đ đi đến dãy phòng trọ (địa chỉ số: 7 Đường số D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì phát hiện cổng dãy trọ không đóng, bên trong Phòng trọ số 4 (của anh Phạm Văn T1 và chị Nguyễn Trương Mỹ N1) còn sáng đèn nên Đ đi vào thì phát hiện trong phòng trọ có để 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12Pro màu xám và IphoneXS màu trắng (được thay vỏ Iphone 15Pro) để trên bàn cạnh cửa phòng. Đông quan sát thấy anh T1 và chị N1 không chú ý nên dùng tay phải lén lút lấy trộm 02 điện thoại di động trên bỏ vào trong túi quần bên phải rồi tẩu thoát ra khỏi dãy trọ. Ngoài ra, trước khi thực hiện hành vi trên, Đ khai nhận có nhặt được 01 điện thoại di động Iphone13 màu xanh tại vỉa hè trước địa chỉ số A Đường B, phường H, thành phố T và cất giữ trong người.

Đến khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, Đ dùng mạng xã hội Facebook thì thấy trang Facebook tên "Chuyên Iphone – chuyên thu mua xác Iphone giá cao" của Lê Hoài N nên Đ nhắn tin liên lạc với N với nội dung muốn bán 03 chiếc điện thoại trên. Sau đó, N gửi số điện thoại 0971501311 để Đông kết bạn qua Z và gửi địa chỉ nhà của N cho Đ để Đ mang điện thoại đến nhà cho N kiểm tra. Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, Đ bắt ôm công nghệ đến nhà N tại địa chỉ: Nhà không số bên cạnh địa chỉ B đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để thỏa thuận bán 02 chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được. Khi đến nơi, N dẫn Đ lên phòng ở tầng 1 để kiểm tra máy. Tại đây, Đông mở ba lô lấy ra một cái khăn bọc 03 chiếc điện thoại (bao gồm: Iphone 12 pro màu đen, Iphone 13 màu xanh và Iphone XS màu trắng độ vỏ) đưa cho N kiểm tra. Khi N nhận 03 chiếc điện thoại thì đều đang ở chế độ tắt nguồn.

Sau đó, N mở nguồn điện thoại Iphone 13 màu xanh và Iphone 12 pro thì phát hiện điện thoại có mật khẩu không mở máy được. Lúc này, Đ nói N "tắt nguồn đi" rồi Đ cầm chiếc điện thoại Iphone XS tắt nguồn, còn N tắt nguồn 02 chiếc điện thoại còn lại. Lúc này, N biết đây là điện thoại do Đ phạm tội mà có do Đ sợ bị chủ sở hữu phát hiện định vị nên mới yêu cầu N tắt nguồn. Tuy nhiên do ham lời nên N vẫn đồng ý mua 03 máy điện thoại di động với giá 5.500.000 đồng và thanh toán bằng tiền mặt cho Đ. Số tiền bán điện thoại trên Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 07/5/2024, anh Phạm Văn T1 và chị Nguyễn Trương Mỹ N1 đến Công an phường H, thành phố T trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiến hành khám nghiệm hiện trường, rà soát camera xác định Lê Thanh Đ thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 07/5/2024, Công an thành phố T mời Lê Thanh Đ và Lê Hoài N về trụ sở làm việc.

Tại cơ quan điều tra, Lê Thanh Đ và Lê Hoài N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, hình ảnh camera thu giữ, vật chứng thu giữ, biên bản xác nhận địa điểm.

Kết luận định giá tài sản số 241-KV3/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone12 Pro, màu xám, 256GB có giá trị 8.833.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu IphoneXS, màu trắng, 256GB có giá trị 3.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.333.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro màu xám và 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu trắng. Đây là tài sản của anh Võ Phạm T2 và chị Nguyễn Trương Mỹ N1 nên ngày 21/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho anh T2, chị N2 theo quy định.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax màu xanh ngọc; 01 điện thoại di động hiệu Iphone13 màu xanh đen (thu giữ của Lê Hoài N);

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20 màu xanh nâu (thu giữ của Lê Thanh Đ).

Trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Trương Mỹ N1 đã được trả lại tài sản chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 539/CT-VKSTPTĐ ngày 04/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố Lê Thanh Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và truy tố bị cáo Lê Hoài N

về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng.

- Các bị cáo Lê Thanh Đ, Lê Hoài N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và nhất trí với nội dung truy tố của Viện kiểm sát.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Lê Hoài N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lê Thanh Đ từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Lê Hoài N từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù; về trách nhiệm dân sự, do bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định.

- Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo, của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vì động cơ tư lợi, cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 00 giờ 45 phút ngày 04/5/2024, tại phòng trọ số 4 dãy phòng trọ địa chỉ số G đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Thanh Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 12Pro và 1 chiếc điện thoại hiệu Iphone XS của anh Phạm Văn T1 và chị Nguyễn Trương Mỹ N1, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 12.333.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được, Đ bán 02 chiếc điện thoại di động trên cùng với 01 điện thoại di động Iphone13 màu xanh Đ nhặt được trước đó cho Lê Hoài N. N biết các tài sản này do Đ phạm tội trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá tổng cộng là 5.500.000 đồng.

Xét hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ biết rõ hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân một cách nhanh chóng nên đã nãy sinh ý định và thực hiện hành vi vi phạm như trên. Bị cáo N biết rõ tài sản do bị cáo Đ phạm tội mà có nhưng vẫn cố tình mua bán, tiêu thụ. Hành vi của bị cáo Đ đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 12.333.000 đồng nên phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS; hành vi của bị cáo N đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo phạm tội theo các điều khoản luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đ, Nam thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo N, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo để có mức hình phạt phù hợp nhất.

Đối với bị cáo N, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã bị tạm giam một thời gian dài đủ để răn đe, giáo dục bị cáo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù bằng thời gian tạm giam để trả tự do cho bị cáo theo quy định.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các tài sản chiếm đoạt trong vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung M20, màu xanh nâu (thu giữ của bị cáo Đ) và 01 điện thoại di động hiệu Iphone12 Promax, màu xanh ngọc (thu giữ của bị cáo N). Xét thấy, các bị cáo dùng những chiếc điện thoại này để liên hệ với nhau thực hiện hành vi phạm tội, do đó các tài sản này được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone13 màu xanh và số tiền 5.500.000 đồng. Xét đây là tài sản các bị cáo dùng vào việc phạm tội tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", do đó cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước theo quy định. Tuy nhiên, đối với số tiền 5.500.000 đồng bị cáo N đã giao cho Đ và Đ đã tiêu xài cá nhân hết, do đó cần buộc bị cáo Đ nộp lại số tiền này để sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 USB chứa hình ảnh liên quan đến vụ án, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án theo quy định.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được giao trả lại tài sản nên không có yêu cầu nào khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thanh Đ, Lê Hoài N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thanh Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Lê Hoài N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo **Lê Thanh Đ** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2024.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Hoài N** 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.

Trả tự do cho bị cáo N tại phiên tòa nếu bị cáo không phạm tội nào khác.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung quỹ đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung M20, màu xanh nâu; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone12 Promax, màu xanh ngọc; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone13 màu xanh.

(Theo Phiếu nhập kho số NK24/429C ngày 22/8/2024 và Biên bản giao nhận tang tài vật số 429C ngày 22/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) USB chứa hình ảnh liên quan đến vụ án.

- Buộc bị cáo Lê Thanh Đ nộp số tiền 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn) đồng vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Lê Thanh Đ, Lê Hoài N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đ-K.Anh) 15.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Danh Đời